

**LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : **57** /CDGD
V/v thông báo số kinh phí phải nộp
theo NQ9C năm 2017

Hoà Bình, ngày **10** tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ Nghị quyết số 09C/NQ-BCH của Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá XI về *“Điều chỉnh giảm tỉ trọng chi hành chính, hoạt động phong trào tại các cấp công đoàn để tạo nguồn kinh phí cho đầu tư xây dựng các thiết chế của Công đoàn tại các Khu công nghiệp, Khu chế xuất”*;

Căn cứ Công văn số 252/LĐLĐ ngày 10/11/2016 của Liên đoàn Lao động tỉnh Hòa Bình về việc hướng dẫn xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2017 theo tinh thần Nghị quyết 09C/NQ-BCH;

Căn cứ kết quả thẩm tra phê duyệt quyết toán tài chính công đoàn đối với các công đoàn cơ sở năm 2017;

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình thông báo tới công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc số liệu kinh phí trích nộp theo 9C/NQ-BCH của năm 2017 như sau:

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đã thực hiện trích nộp kinh phí theo NQ9C của các công đoàn cơ sở tương ứng theo số cấp kinh phí hoạt động của Công đoàn ngành và số 1% đoàn phí công đoàn thu tại đơn vị là: 193.160.806đ (*Trong đó nộp trong năm 2017: 161.432.000đ, nộp trả nợ vào tháng 01/2018 là: 31.728.806đ*). Tuy nhiên sau khi quyết toán với Liên đoàn Lao động tỉnh, số kinh phí phải tiết giảm từ nguồn thực chi cho hành chính và hoạt động phong trào của các đơn vị là: 220.163.939đ, trong đó số kinh phí CĐCS nộp thiếu là: 36.615.834đ, số kinh phí CĐCS nộp thừa là: 9.612.701đ (có bảng số liệu đính kèm). Do số thực chi hành chính và hoạt động phong trào của một số CĐCS ít hơn số thực cấp của Công đoàn ngành và 1% đoàn phí công đoàn năm 2017 nên tỷ lệ kinh phí tương ứng trừ theo nghị quyết 9C sẽ thấp và dẫn đến việc nộp thừa kinh phí 9C.

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình sẽ cân đối bù trừ kinh phí theo NQ9C của công đoàn cơ sở trong các lần cấp kinh phí hoạt động tiếp theo của năm 2018.

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CDGD Hòa Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**
**BCH
CÔNG ĐOÀN
GIÁO DỤC**
Bùi Đức Ngọc

CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC HOÀ BÌNH

BẢNG TÍNH SỐ KINH PHÍ PHẢI NỘP THEO NGHỊ QUYẾT 9C

Năm 2017

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU THEO QUYẾT TOÁN		THU KHÁC	KINH PHÍ TÍNH ĐỂ TIẾT GIẢM (QLHC+PT-CHI KHÁC)	10% NQ 9C theo quyết toán	KINH PHÍ NQ 9C CBDS ĐÃ NỘP		CHÊNH LỆCH	
		Hành chính (Mục 29)	Phong trào (Mục 31)				Trích nộp trong năm 2017	Đã nộp trả nợ của năm 2017 vào T1/2018	Số KP CBDS nộp thiếu	Số KP CBDS nộp thừa
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=1+2-3</i>	<i>5=4*10%</i>	<i>6</i>		<i>7=5-6</i>	<i>8=6-5</i>
1	Trường THPT 19-5	9,849,000	57,260,000	-	67,109,000	6,710,900	4,501,000	572,687	1,637,213	
2	Trường THPT Sào Báy	7,004,000	38,620,000	-	45,624,000	4,562,400	2,851,000	668,661	1,042,739	
3	Trường THPT Bắc Sơn	4,030,000	20,360,000	-	24,390,000	2,439,000	1,723,000	512,242	203,758	
4	PTDTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn	2,298,000	10,770,000	-	13,068,000	1,306,800	973,000	100,115	233,685	
5	Sở GD&ĐT	14,940,000	18,620,000	-	33,560,000	3,356,000	1,600,000	3,051,195	1,295,195	
6	TTGDTX tỉnh	2,015,000	37,800,000	-	39,815,000	3,981,500	3,661,000	339,074	18,574	
7	CBSP Hoà Bình	13,710,000	42,620,000	-	56,330,000	5,633,000	9,596,000	1,055,229	5,018,229	
8	DTNT tỉnh	20,345,000	61,010,000	-	81,355,000	8,135,500	5,892,000	746,178	1,497,322	
9	PTDTNT THCS&THPT huyện Cao Phong	12,300,000	28,030,000	-	40,330,000	4,033,000	2,495,000	323,191	1,214,809	
10	PTDTNT THCS&THPT huyện Đà Bắc	6,290,000	18,950,000	-	25,240,000	2,524,000	1,628,000	525,118	370,882	
11	PTDTNT THCS B huyện Đà Bắc	-	17,300,000	-	17,300,000	1,730,000	1,262,000	564,543	96,543	
12	PTDTNT THCS B huyện Mai Châu	220,000	34,798,000	-	35,018,000	3,501,800	980,000	1,142,095	1,379,705	

13	PTDINT THCS&THPT huyện Kim Bôi	10,955,000	32,913,000	5,170,000	38,698,000	3,869,800	2,394,000	231,923	1,243,877	
14	PTDINT THCS&THPT huyện Lạc Sơn	4,560,000	24,820,000	-	29,380,000	2,938,000	2,191,000	500,823	246,177	
15	PTDINT THCS&THPT huyện Lạc Thủy	1,100,000	24,650,000	-	25,750,000	2,575,000	2,080,000		495,000	
16	PTDINT THCS&THPT huyện Tân Lạc	8,203,000	22,400,000	520,000	30,083,000	3,008,300	3,888,000	72,283		951,983
17	PTDINT THCS&THPT huyện Yên Thủy	9,646,200	10,872,000	-	20,518,200	2,051,820	1,469,000	576,460	6,360	
18	PTDINT THCS&THPT huyện Mai Châu	5,720,000	26,965,000	-	32,685,000	3,268,500	1,829,000	873,622	565,878	
19	PTDINT THCS&THPT Ngọc Sơn	1,700,000	23,540,000	-	25,240,000	2,524,000	1,219,000	650,463	654,537	
20	Trường THPT Cao Phong	247,000	61,295,000	-	61,542,000	6,154,200	3,626,000	467,850	2,060,350	
21	Trường THPT chuyên HVT	22,112,000	91,236,000	-	113,348,000	11,334,800	8,764,000	2,093,476	477,324	
22	Trường THPT Công Nghiệp	13,494,000	83,700,000	-	97,194,000	9,719,400	5,182,000	604,979	3,932,421	
23	Trường THPT Công Hoà	9,817,500	41,637,000	-	51,454,500	5,145,450	2,676,000	992,600	1,476,850	
24	Trường THPT Cù Chính Lan	2,460,000	63,155,000	10,440,000	55,175,000	5,517,500	4,801,000		716,500	
25	Trường THPT Đại Đồng	11,260,000	43,455,000	-	54,715,000	5,471,500	3,622,000		1,849,500	
26	Trường THPT Đoàn Kết	520,000	22,084,493	-	22,604,493	2,260,449	2,051,000	805,337		595,888
27	Trường THPT Kỳ Sơn	469,600	39,820,000	-	40,289,600	4,028,960	3,944,000	271,151		186,191
28	Trường THPT Lạc Long Quân	13,610,000	41,380,000	3,600,000	51,390,000	5,139,000	3,815,000	546,499	777,501	
29	Trường THPT Lạc Sơn	8,359,000	63,740,000	-	72,099,000	7,209,900	3,811,000	340,001	3,058,899	
30	Trường THPT Lạc Thủy	3,000,000	40,420,000	-	43,420,000	4,342,000	3,773,000	608,289		39,289
31	Trường THPT Lạc Thủy B	7,935,000	29,380,000	-	37,315,000	3,731,500	3,073,000	803,937		145,437
32	Trường THPT Lạc Thủy C	7,500,000	15,300,000	-	22,800,000	2,280,000	2,171,000	528,879		419,879

33	Trương THPT Lũng Vân	86,900	16,600,000	-	16,686,900	1,668,690	1,026,000	532,164	110,526	
34	Trương THPT Lương Sơn	6,750,000	35,300,000	-	42,050,000	4,205,000	3,681,000	747,099		223,099
35	Trương THPT Mai Châu	7,440,000	57,130,000	-	64,570,000	6,457,000	3,743,000	748,641	1,965,359	
36	Trương THPT Mai Châu B	8,600,000	30,460,000	1,000,000	38,060,000	3,806,000	1,824,000	381,049	1,600,951	
37	Trương THPT Mường Bi	3,400,000	32,850,000	-	36,250,000	3,625,000	3,081,000	557,031		13,031
38	Trương THPT Mường Chiềng	-	21,772,000	-	21,772,000	2,177,200	1,758,000	442,207		23,007
39	Trương THPT Nam Lương Sơn	13,365,000	37,500,000	-	50,865,000	5,086,500	2,779,000	976,864	1,330,636	
40	Trương THPT Ngô Quyền	6,479,000	23,680,000	-	30,159,000	3,015,900	2,805,000	317,236		106,336
41	Trương THPT Nguyễn Trãi	-	34,933,400	1,300,000	33,633,400	3,363,340	2,563,000	303,368	496,972	
42	Trương THPT Phú Cường	9,680,000	20,920,000	3,000,000	27,600,000	2,760,000	2,302,000	287,648	170,352	
43	Trương THPT Quyết Thắng	5,915,000	30,750,000	-	36,665,000	3,666,500	2,693,000	104,466	869,034	
44	Trương THPT Tân Lạc	1,571,800	45,000,000	-	46,571,800	4,657,180	3,827,000	487,798	342,382	
45	Trương THPT Thanh Hà	462,000	29,172,000	-	29,634,000	2,963,400	2,515,000	583,222		134,822
46	Trương THPT Thạch Yên	6,065,000	22,560,000	-	28,625,000	2,862,500	2,143,000	242,797	476,703	
47	Trương THPT Yên Hoà	3,600,000	24,380,000	-	27,980,000	2,798,000	1,145,000	356,946	1,296,054	
48	Trương THPT Yên Thủy A	16,580,000	31,960,000	-	48,540,000	4,854,000	3,312,000	1,276,062	265,938	
49	Trương THPT Yên Thủy B	8,860,000	34,690,000	-	43,550,000	4,355,000	2,882,000	732,667	740,333	
50	Trương THPT Yên Thủy C	694,000	28,700,000	-	29,394,000	2,939,400	1,981,000	758,968	199,432	
51	Trương THPT Đà Bắc	700,000	28,700,000	-	29,400,000	2,940,000	2,908,000	377,198		345,198
52	TT kỹ thuật TH,HN-NN,TH	2,190,000	41,023,500	300,000	42,913,500	4,291,350	3,149,000	418,500	723,850	

53	Tường THPT Kim Bôi	9,760,000	46,480,000	-	56,240,000	5,624,000	4,567,000	527,975	529,025	
54	Công ty Sách - TBTH	-	15,640,000	-	15,640,000	1,564,000	1,207,000	-	357,000	
	<u>Cong</u>	<u>347,868,000</u>	<u>1,879,101,393</u>	<u>25,330,000</u>	<u>2,201,639,393</u>	<u>220,163,939</u>	<u>161,432,000</u>	<u>31,728,806</u>	<u>36,615,834</u>	<u>9,612,701</u>

NGƯỜI LẬP

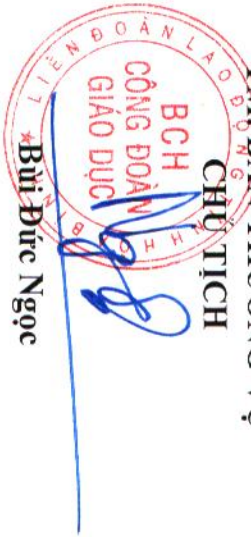


Đinh Thị Quỳnh Như

Hoà Bình, ngày 10 tháng 5 năm 2018

TM BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Ngọc